



DỰ BÁO NHU CẦU NHÂN LỰC QUA ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC

• PGS.TS. ĐẶNG NGỌC DINH - PGS.TS. VŨ TRỌNG RỸ

LTS: Dự báo nhu cầu nhân lực qua đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế đến 2020 là một nội dung nghiên cứu của đề tài "Định hướng phát triển giáo dục Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế" thuộc Chương trình khoa học cấp Bộ "Phát triển giáo dục đào tạo Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế" của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong phần 1 của bài viết Phân tích thực trạng nguồn nhân lực, các tác giả đã đánh giá những thành tựu, phân tích những yếu kém chủ yếu của nguồn nhân lực qua đào tạo của nước ta trong thời gian qua và nguyên nhân của chúng. Sau đây chúng tôi xin trân trọng giới thiệu phần 2 của bài viết: Nhu cầu tổng quát phát triển nhân lực qua đào tạo đến năm 2020.

2. NHU CẦU TỔNG QUÁT PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC QUA ĐÀO TẠO ĐẾN NĂM 2020

2.1. Mục tiêu phát triển nhân lực đến năm 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát phát triển nhân lực Việt Nam đến năm 2020 là xây dựng được đội ngũ nhân lực đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và một số mặt tiếp cận trình độ các nước tiên tiến trên thế giới. Đến năm 2020, về tổng quát, nhân lực Việt Nam 2020 đạt được mức trung bình, xếp loại trong số 50 nước nhóm trên của thế giới về năng lực cạnh tranh của nhân lực.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng nhân lực Việt Nam có kỹ năng nghề nghiệp cao, cơ cấu trình độ, ngành nghề và vùng miền hợp lý, có đủ năng lực đưa đất nước nhanh chóng thoát khỏi tình trạng kém phát triển, không ngừng nâng cao năng lực cạnh

tranh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo đảm an ninh, quốc phòng;

- Xây dựng được lực lượng nhân lực cốt yếu (chuyên gia hoạch định chính sách, tư vấn quản lý, luật pháp, nhân lực khoa học - công nghệ...) có tri thức và kỹ năng đạt đẳng cấp quốc tế;

- Xây dựng được đội ngũ giáo viên, giảng viên với mức 60-70% đạt đẳng cấp quốc tế;

- Xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển nhân lực hiện đại, bao gồm cơ sở hạ tầng vật chất, hệ thống chính sách, hệ thống quản lý Nhà nước về phát triển nhân lực, đặc biệt là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo chăm sóc sức khỏe nhân dân, cung cấp thông tin...

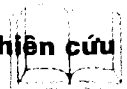
2.2 Dự báo tổng quát nhân lực đến năm 2020

1. Dự báo nhân lực độ tuổi lao động

Bảng 1. Dự báo dân số và số người trong tuổi lao động đến năm 2020

Chỉ tiêu	2005	2010	2015	2020
1. Dân số (1000 người)	83.120	88.458	94.000	98.500-99.000
2. Dân số trong tuổi lao động (nam 15-60, nữ 15-55)				
- Số người (1000 người)	52.700	58.300	60.800	62.700
- Tăng thêm sau 5 năm (1000 người)	6.000	5.600	2.500	1.900
3. Lực lượng lao động (trong tuổi LD)				
- Số người (1000 người)	4.385,0	48.500	49.500	50.000
- % so dân số trong tuổi lao động	85,3	83,0	82,0	80,0

Nguồn: Ủy ban dân số KHHGD



2. Dự báo nhân lực qua đào tạo

Bảng 2. Dự báo một số chỉ tiêu cơ bản về phát triển nhân lực đến 2010 và 2020

Chỉ tiêu	2005	2010	2015	2020
1. Lực lượng lao động làm việc trong nền kinh tế - Tổng số (1000 người)	43.456,6	45.750	47.500	48.500
2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	24,8	40,0	50,0	60,0
3. Số người được đào tạo kĩ năng nghề nghiệp trình độ cao (người)				
- Hoạch định chính sách	12.000	15.000	18.000	20.000
- Giảng viên đại học	47.700	70.000	120.000	200.000
- Khoa học - công nghệ	30.000	40.000	60.000	100.000
- Y tế, chăm sóc sức khoẻ	51.500	60.000	70.000	80.000

3. Dự báo nhân lực đào tạo qua các giai đoạn

(1) Giai đoạn đến năm 2010

- Trình độ học vấn phổ thông tiếp cận mức độ chung của khu vực Đông Nam Á, làm cơ sở vững chắc cho người dân tiếp tục làm việc, đào tạo kĩ năng, có năng lực tự học tập suốt đời và có khả năng nắm bắt, tạo cơ hội và giải quyết những vấn đề phát sinh trong cuộc sống và công việc của bản thân mình và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của đất nước;

- Đến năm 2010, nâng tỷ lệ biết chữ của lực lượng lao động lên 96%. Tỷ lệ đi học tiểu học đúng tuổi lên 99%, tỷ lệ đi học THCS đúng tuổi lên 90% và tỷ lệ đi học THPT lên 68%. Hoàn thành phổ cập giáo dục THCS trên cả nước, và phổ cập giáo dục trung học cho một bộ phận thanh niên trong tuổi ở những địa phương có đủ điều kiện;

- Nâng tỷ lệ người tham gia đào tạo các cấp (từ học nghề trở lên) trong nhóm dân số 18-23 tuổi lên 45%;

- Phát triển mạnh dạy nghề theo 3 cấp trình độ (sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề) với cơ cấu ngành nghề đa dạng đáp ứng nhu cầu phong phú, linh hoạt của thị trường lao động kể cả đối với khu vực kinh tế phi kết cấu. Chú trọng mở rộng quy mô và nâng cao chất

lượng dạy nghề. Tăng quy mô số người tuyển mới dạy nghề và tham gia học nghề hàng năm khoảng trên 8% để nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2010 đạt 26%, trong đó tỷ lệ có trình độ trung cấp nghề trở lên chiếm khoảng 25% tổng số lao động qua đào tạo nghề. Tăng tỷ lệ lao động có nghề trong tổng lao động xuất khẩu lên 70%, trong đó 30% có trình độ cao trở lên vào năm 2010. Tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư để đến năm 2010 có 50 trường trung cấp nghề và cao đẳng chất lượng cao, trong đó có ít nhất 3 trường tiếp cận trình độ khu vực Đông - Nam Á;

- Tăng tỷ lệ sinh viên đại học - cao đẳng lên 200 sinh viên/10.000 dân và có trường đại học được công nhận đạt đẳng cấp quốc tế. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý để xây dựng các trường đại học theo hướng hội nhập vào xu thế chung của các trường đại học trên thế giới.;

- Đến năm 2010, 100% công chức hành chính các cấp được trang bị kĩ năng nghiệp vụ theo yêu cầu công vụ và có năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao với chất lượng cao; trang bị kiến thức về văn hoá công sở; trách nhiệm và đạo đức công chức cho công chức các ngạch;

- Đào tạo và đảm bảo lao động có trình độ cao cho các lĩnh vực hoạch định chính sách, tư vấn pháp luật, chăm sóc sức khoẻ nhân dân và

1 Các xu hướng phát triển giáo dục đại học trên thế giới hiện nay là: Đại chúng hóa; đa dạng hóa, tư nhân hóa; đảm bảo chất lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh; tập đoàn hóa và công nghiệp hóa; đại học trở thành các trung tâm sản xuất, sử dụng, phân phối, xuất khẩu tri thức và chuyển giao công nghệ mới, hiện đại; phát triển các dịch vụ và đào tạo nhân lực quốc tế và khu vực.

văn hoá - nghệ thuật;

- Bồi dưỡng, đào tạo bảo đảm có đủ số lượng giám đốc doanh nghiệp và chuyên gia quản trị doanh nghiệp có kiến thức và kĩ năng quản lí, kinh doanh đảm bảo cạnh tranh thắng lợi trên thị trường trong nước và quốc tế (dự kiến năm 2010 cả nước có trên 500 ngàn doanh nghiệp các loại);

- Tăng số lượng đội ngũ giảng viên đại học, cao đẳng và dạy nghề đảm bảo tỉ lệ trung bình khoảng 26-28 sinh viên /giảng viên, đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo;

- Đội ngũ nhân lực khoa học - công nghệ được tăng cường về số lượng và cải tiến về cơ cấu, nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển trong nước và thực sự hội nhập trào lưu phát triển khoa học, công nghệ thế giới. Tập trung đào tạo nhân lực cho các lĩnh vực công nghệ cao: công nghệ thông tin, công nghệ tự động hoá, công nghệ sinh học, công nghệ biển, công nghệ môi trường, công nghệ vũ trụ...

- Có sự tiến bộ cơ bản về đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần hợp tác và tác phong làm việc công nghiệp.

(2) Từ năm 2011 đến năm 2020

- Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với trình độ phát triển là một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Đến năm 2020, Việt Nam đứng trong nhóm 50 nước top trên về năng lực cạnh tranh của nhân lực;

- Nâng cao chất lượng giáo dục để đến năm 2020 trình độ giáo dục phổ thông tiếp cận mức độ tiên tiến trung bình trên thế giới;

- Về cơ bản phổ cập giáo dục trung học phổ thông đối với thanh niên theo những tiêu chí chung được sử dụng rộng rãi trên thế giới;

- Tăng tỉ lệ người tham gia đào tạo các cấp (từ học nghề trở lên) trong nhóm dân số 18-23

tuổi lên trên 70%;

- Tăng quy mô đào tạo nghề, nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề trong tổng lực lượng lao động lên 32% năm 2015 và 40% vào năm 2020. Đảm bảo 100% người lao động dân việc có nhu cầu đào tạo nghề mới hoặc đào tạo nâng cao được đào tạo lại hoặc bồi dưỡng nâng cao kĩ năng trình độ nghề để tìm kiếm việc làm mới. Năm 2015, đảm bảo 100% lao động xuất khẩu được đào tạo nghề, trong đó 40% trình độ cao. Đến năm 2015 có 100 trường trung cấp nghề và 30 trường cao đẳng nghề chất lượng cao, trong đó có 10 trường đạt trình độ khu vực Đông - Nam Á. Thời kì 2016 - 2020 dạy nghề Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và có một số trường đạt đẳng cấp quốc tế, hình thành hệ thống đào tạo nghề theo 4 cấp trình độ là sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và đại học công nghệ thực hành. Từng bước hình thành bậc đào tạo kỹ sư thực hành;

- Tăng tỉ lệ sinh viên đại học, cao đẳng trên 10.000 dân lên khoảng trên dưới 400 sinh viên năm 2020². Bằng tốt nghiệp của nhiều trường đại học được quốc tế công nhận và có một số trường được xếp vào top 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới³. Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lí giáo dục đại học đủ về số lượng, trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, phương pháp giảng dạy và quản lí tiên tiến; đảm bảo tỉ lệ sinh viên /giảng viên trung bình của hệ thống giáo dục đại học dưới 20;

- Xây dựng được hệ thống các cơ sở đào tạo nhân lực tiên tiến, hiện đại, đa dạng, cơ cấu ngành nghề đồng bộ, đa cấp, năng động, liên thông giữa các cấp và các ngành đào tạo trong nước và quốc tế, phân bố rộng khắp trên cả nước, góp phần hình thành xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân;

- Trình độ và chất lượng đào tạo về kĩ năng nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu của thị trường

² Số sinh viên /10.000 hiện nay ở Hàn Quốc là 320, ở Mỹ là 585

³ Năm 2005 Thái Lan có 5 trường, Singapore có 2 trường

lao động trong nước, khu vực và quốc tế... Nguồn nhân lực Việt Nam có đủ sức cạnh tranh với người lao động nước ngoài trên thị trường lao động trong nước và quốc tế. Trình độ ngoại ngữ của thanh niên Việt Nam được nâng cao, đáp ứng nhu cầu học tập, giao tiếp và làm việc¹;

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ công chức quản lí hành chính Nhà nước chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu của một Nhà nước pháp quyền XHCN hiện đại trong một thế giới hội nhập và biến đổi nhanh;

- Xây dựng được đội ngũ doanh nhân, chuyên gia quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp, có bản lĩnh, thông thạo kinh doanh trong nước và quốc tế góp phần không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam và nền kinh tế Việt Nam trong nền kinh tế thế giới;

- Xây dựng và có được đội ngũ nhân lực khoa học - công nghệ với cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, có đủ năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và đề xuất những giải pháp khoa học, công nghệ, giải quyết về cơ bản những vấn đề phát triển của đất nước và hội nhập với các xu hướng phát triển khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và công nghệ trên thế giới;

- Nhân lực Việt Nam hội đủ các yếu tố cần thiết về thái độ nghề nghiệp, có năng lực ứng xử (đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong làm việc, kỉ luật lao động, tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm, ý thức công dân...) và tính năng động cao, đáp ứng những yêu cầu đặt ra đối với người lao động trong xã hội công nghiệp.

3. Yêu cầu đặt ra đối với giáo dục - đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực

Đội ngũ nhân lực của nước ta còn bất cập, yếu kém trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện tại và trong thập kỉ tới. Để có được đội ngũ nhân lực đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu và có chất lượng cần có nhiều yêu cầu đặt ra đối với giáo dục - đào tạo ở các cấp học và trình độ đào tạo.

3.1. Đối với giáo dục phổ thông

Giáo dục phổ thông là cấp học chuẩn bị cho nguồn nhân lực, là nền tảng để đào tạo lao động kĩ thuật. Nhiệm vụ cơ bản của nó là hình thành và phát triển nhân cách, tạo dựng nền tảng học vấn hướng theo những phẩm chất, năng lực cần có của người lao động khi gia nhập đội ngũ nhân lực phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, không chỉ mở rộng quy mô trường lớp của các cấp học phổ thông đến mọi vùng miền, thôn xã, tạo điều kiện cho mọi trẻ em đến trường, thực hiện giáo dục cơ sở bắt buộc, mà còn phải cải cách chương trình giáo dục theo hướng tăng cường giáo dục năng lực làm người, hình thành những khối óc được rèn luyện tốt và giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông, kết hợp chặt chẽ dạy chữ, dạy người, dạy nghề.

3.2. Đối với giáo dục nghề nghiệp

Nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo nhân lực có chất lượng. Chất lượng của nhân lực không chỉ giới hạn ở kiến thức, kĩ năng, tay nghề, mà còn cả phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, kỉ luật lao động. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần được mở rộng hơn nữa, tạo điều kiện cho phân luồng hợp lí học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông. Hệ thống giáo dục nghề nghiệp phải đảm bảo đào tạo lao động kĩ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động và luôn luôn bám sát nhu cầu thị trường lao động; phải có sự liên thông giữa dạy nghề - trung cấp chuyên nghiệp - cao đẳng công nghệ để tạo ra đội ngũ kĩ thuật viên cấp cao thích ứng với một nền sản xuất hiện đại.

3.3. Đối với giáo dục đại học

Đại học là bậc học cao nhất, là giai đoạn cuối cùng của quy trình học tập theo trường lớp, là cái nôi của những ý tưởng mới, của những phát minh, sáng chế, là nơi đào tạo nhân lực có trình độ cao, những kĩ sư, công nghệ gia, các nhà quản lí, các nhà hoạch định chính sách, các học giả, các nhà kinh doanh... Giáo dục đại học phải đào tạo ra được những con người có đủ 3

(Xem tiếp trang 9)

¹ Ngày 13/4/2007, Ủy ban châu Âu đã quyết định đến năm 2009, học sinh các nước EU trong nhóm 14-16 tuổi khi tốt nghiệp cấp học bắt buộc phải biết ít nhất 2 trong số 5 ngoại ngữ phổ biến ở châu Âu là Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha và Ý, thể hiện ở các khâu đọc, nghe và viết. Cộng hòa Séc cũng đặt mục tiêu đến năm 2010 phổ cập tiếng Anh trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của mình.